



XÉT CÔNG NHẬN, BỔ NHIỆM CHỨC DANH GIÁO SƯ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ LIÊN HỆ VỚI VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN ĐỨC HUY

Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước

1. Đặt vấn đề

Theo định nghĩa trong Bách khoa toàn thư (Wikipedia), giáo sư (GS) (A professor) là một học giả uyên bác (a scholarly teacher), là giảng viên đẳng cấp cao (a teacher of high rank), là chuyên gia trong một lĩnh vực khoa học hoặc nghệ thuật. Ý nghĩa chính xác của thuật ngữ GS thay đổi tùy theo quốc gia. Ở nhiều nước trên thế giới như Vương quốc Anh, các quốc gia nói tiếng Đức, các nước Bắc Âu thì chức danh GS chỉ dành cho các học giả cao cấp nhất trong trường đại học, thường giữ vai trò đứng đầu một bộ môn khoa học hoặc cho một cá nhân cụ thể có tiếng trong một trường đại học. Tóm lại, GS là danh hiệu chỉ được trao cho một người sau nhiều thập kỷ cống hiến cho đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học.

2. Xét tuyển, bổ nhiệm chức danh GS ở một số nước trên thế giới

2.1. Hoa Kỳ

Theo Bách khoa toàn thư (Wikipedia): Ở Hoa Kỳ và Canada, danh hiệu GS được trao cho tất cả các học giả có trình độ tiến sĩ, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học có thời gian đào tạo 2 - 4 năm. Tuy nhiên, danh hiệu này chỉ được coi như là GS dự khuyết hay dự bị (Assistant Professor) hoặc phó giáo sư (PGS) (Associate Professor), không được gọi là GS (Professors) hay GS thực thụ (Full Professors) và chỉ những giảng viên giảng dạy toàn thời gian trong trường đại học, giảng dạy trình độ từ đại học trở lên, hướng dẫn sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, hoặc nghiên cứu chuyển giao công nghệ mới đủ điều kiện làm ứng viên chức danh GS. Trong các trường đại học ở Hoa Kỳ có 3 cấp chức danh hay danh hiệu GS, đó là GS dự khuyết (hay GS dự bị), PGS và GS (hay GS thực thụ).

2.1.1. GS dự khuyết (hay GS dự bị)

Là chức danh đầu tiên trong "ngạch" GS ở Hoa Kỳ và một số nước có hệ thống giáo dục Âu - Mỹ. Đối chiếu chức năng nhiệm vụ của chức danh này có thể xem tương tự như chức danh giảng viên chính ở Việt Nam.

2.1.1.1. Tiêu chuẩn

Ở Hoa Kỳ, chức danh GS dự khuyết hay GS dự bị được trao cho những giảng viên trong trường đại học thường là đã có bằng tiến sĩ hoặc đã học xong chương trình đào tạo sau tiến sĩ, có thành tích nhất định trong giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, chức danh GS dự khuyết (hay GS dự bị) đôi khi cũng được trao cho những giảng viên chỉ có bằng thạc sĩ hoặc là nghiên cứu sinh đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ.

Để đạt được chức danh GS dự khuyết (hay GS dự bị), ví dụ tại Khoa Y, Trường Đại học Harvard, ứng viên phải là giảng viên cơ hữu của trường, đã có bằng tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học, có trung bình 5 công trình khoa học (con số thực tế dao động từ 3 đến 17 công trình).

2.1.1.2. Chức trách, nhiệm vụ

Tuy mang danh GS dự khuyết hay GS dự bị nhưng GS dự khuyết hay GS dự bị không làm trợ lý (Assistant

hay làm công việc của trợ lý cho bất kỳ GS nào trong khoa, trong trường, họ làm việc độc lập theo chức trách được trường và khoa giao. Về vị thế, giảng viên có chức danh GS dự khuyết hay GS dự bị nhưng vẫn chưa có vị trí, biên chế chính thức ở trong trường đại học. Vì vậy, họ vẫn phải tiếp tục phấn đấu, phải qua thử thách trong 4 - 6 năm để có thể trở thành ứng viên chức danh PGS có vị trí chính thức trong khoa, trong trường.

2.1.1.3. Quy trình xét tuyển, bổ nhiệm

Việc xét tuyển, phong chức danh GS dự khuyết hay GS dự bị do các khoa chuyên môn trong trường đại học thực hiện căn cứ vào nhu cầu về số lượng vị trí chức danh này của khoa hàng năm, được thông báo công khai. Theo đó, các giảng viên (senior lectures) nộp hồ sơ đăng kí, hội đồng học thuật khoa xét chọn và công bố kết quả. Khi đạt được danh hiệu GS dự khuyết hay GS dự bị, trong 4 - 6 năm tiếp theo giảng viên có chức danh này vẫn phải tiếp tục phấn đấu để đạt được các kết quả sau: 1) Giảng dạy tốt, được sinh viên đánh giá từ khá trở lên; 2) Nghiên cứu tốt (phải có vài công trình công bố quốc tế với vị trí là tác giả đầu tiên (first author) hoặc là tác giả chịu trách nhiệm về khoa học của công trình công bố (Corresponding author); 3) Kêu gọi được các dự án khoa học; 4) Phục vụ cộng đồng (Community service) xây dựng trường, khoa tốt để có cơ hội làm ứng viên PGS, có vị trí làm việc chính thức trong khoa, trong trường, nếu không sẽ bị cắt hợp đồng, phải ra khỏi trường đại học. Trong các chỉ tiêu phần đầu nêu trên, hai chỉ tiêu đầu tiên là quan trọng nhất.

2.1.2. PGS

Là cấp chức danh GS trung gian giữa GS dự khuyết (hay GS dự bị) với GS, là cấp quá độ để giảng viên tiến đến chức danh GS thực thụ.

2.1.2.1. Tiêu chuẩn chung

Để có thể trở thành ứng viên chức danh PGS, giảng viên trường đại học phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- *Có thành tích nghiên cứu khoa học:* Cơ sở quan trọng nhất để được phong GS là kết quả nghiên cứu, được phản ánh qua chất lượng và số lượng nghiên cứu. Tùy từng lĩnh vực khác nhau mà yêu cầu về số lượng và chất lượng nghiên cứu có khác nhau, nhưng mẫu số chung là mức độ ảnh hưởng của kết quả nghiên cứu đối với ngành khoa học và đối với việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Để đạt chức danh cấp PGS, ứng viên cần có 35 công trình (dao động trong khoảng 24-50 công trình). Tuy con số công trình khoa học chỉ nói lên năng suất, nhưng xu hướng ngày nay, các hội đồng khoa bảng thường quan tâm đến chất lượng khoa học. Ví thế, Hội đồng thường yêu cầu ứng viên cấp PGS và GS trình bày 5 hay 10 công trình quan trọng nhất. Chính các công trình này là yếu tố quyết định để đề bạt, phần còn lại chỉ để tham khảo như là một chỉ số năng suất khoa học của ứng viên. Những bài "hàng đầu" này thường được đánh

giá qua chỉ số trích dẫn (CI) và hệ số ảnh hưởng (impact factor- IF) của tạp chí khoa học. Người làm khoa học trong ngành chỉ cần biết qua tên tạp chí mà ứng viên công bố là biết ứng viên thuộc vào hạng nào, giai tầng nào trong ngành.

Có thành tích trong đào tạo, giảng dạy đại học: Được thể hiện qua đánh giá cuối môn học của sinh viên. Tiêu chí này tuy quan trọng nhưng chỉ là tiêu chí dùng để tham khảo trong quá trình phong GS, không có tính chất quyết định như kết quả nghiên cứu khoa học

2.1.2.2. Quy trình xét tuyển, bổ nhiệm

Quy trình xét, bổ nhiệm PGS trong các trường đại học hàng đầu ở Hoa Kỳ thường gồm các bước sau đây:

Bước 1: Các ứng viên, thường là các GS dự khuyết, đã kinh qua từ 6 đến 7 năm giảng dạy đại học, được chủ nhiệm khoa chuyên môn yêu cầu chuẩn bị một bộ hồ sơ để phong PGS. Phần quan trọng nhất trong bộ hồ sơ này là kê khai các công trình nghiên cứu đã được công bố trên các tạp chí được bình duyệt (peer review). Đóng góp trong việc viết sách giáo khoa và sách tham khảo cũng quan trọng, song không bằng các bài báo khoa học, công bố kết quả nghiên cứu. Thành tích giảng dạy cũng được xem xét, nhưng thường chỉ có ý nghĩa tham khảo. Trong một số trường hợp thật sự xuất sắc, ứng viên có thể được yêu cầu nộp hồ sơ sớm hơn so với thời hạn quy định.

Bước 2: Hội đồng học thuật của khoa chuyên môn sẽ đánh giá hồ sơ khoa học của GS tập sự đồng thời gửi thư xin ý kiến của một số học giả hàng đầu (thường từ 10 - 12 người) về những đóng góp và ảnh hưởng của ứng viên trong lĩnh vực chuyên môn sâu của người đó. Căn cứ vào kết quả đánh giá của hội đồng học thuật khoa, kết hợp với các nhận xét của các chuyên gia bên ngoài được mời, hội đồng học thuật khoa (do chủ nhiệm khoa làm chủ tịch) sẽ quyết định việc đưa hồ sơ ứng viên ra hội đồng học thuật của trường đại học.

Bước 3: Khi hồ sơ đã được chuyển lên hội đồng học thuật của trường đại học (bao gồm chủ nhiệm các khoa trong trường), hội đồng sẽ xem xét lại một lần nữa theo các quy định và tiêu chuẩn chung của trường rồi quyết định có phong PGS hay không.

Trong nhiều trường đại học ở Mỹ có 3 cấp quản lý gồm cấp trường đại học (University), cấp các trường thành viên (Schools), và cấp các khoa là thành viên của trường (Department/faculty) và tương ứng là có 3 hội đồng học thuật xét duyệt bổ nhiệm chức danh PGS.

Giai đoạn thử thách của PGS khoảng 4 - 6 năm tùy theo mỗi trường đại học. Nếu giảng viên có chức danh đạt những thành tích giảng dạy từ khá trở lên và trong nghiên cứu khoa học cũng có nhiều công trình công bố quốc tế thì sẽ được trở thành ứng viên chức danh GS.

2.1.3. GS hay GS thực thụ

Là cấp chức danh GS cao nhất trong trường đại học ở Hoa Kỳ.

2.1.3.1. Tiêu chuẩn

Điều kiện tiên quyết đòi hỏi ứng viên GS ở Hoa Kỳ phải là giảng viên đại học đã có chức danh PGS. Các tiêu chuẩn khác, về cơ bản như đối với PGS nhưng đòi hỏi cao hơn hẳn về chất cần phải có trung bình 50 công trình, với 20 công trình là tác giả chính.

2.1.3.2. Quy trình xét tuyển, bổ nhiệm

Quy trình xét tuyển và bổ nhiệm chức danh GS

thực thụ ở các trường hàng đầu của Mỹ cũng tương tự như quy trình phong PGS. Tuy nhiên, có một điểm khác cơ bản, đó là ứng viên đã là PGS, đã có "biên chế chính thức", vì vậy quy trình thường ít gắt gao hơn nhiều. Tuy nhiên, vẫn có nhiều PGS không bao giờ trở thành GS. Lí do quan trọng nhất vẫn là do kết quả nghiên cứu khoa học của họ chưa đủ để thuyết phục các hội đồng học thuật của trường cũng như các ý kiến phản biện từ các chuyên gia ngoài trường.

Để trở thành một GS thực thụ (Full Professore) ở Hoa Kỳ, các nhà khoa học phải phấn đấu liên tục trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học khoảng 15 - 16 năm sau khi đã có bằng tiến sĩ và số công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế trong chuyên ngành phải trên 50 (khoảng trên 20 bài với tác giả đầu tiên, trên 30 bài với dạng cộng tác viên (Co-author) hoặc chịu trách nhiệm khoa học chính trong bài báo (Correspondence author). Ngoài 3 chức danh nêu trên, các trường đại học ở Hoa Kỳ còn phong các danh hiệu GS: GS danh dự (*Distinguished professor*), GS thỉnh giảng (*Visiting Professor*), GS nghiên cứu (*Research Professor*).

2.1.3.3. Quyền lợi và trách nhiệm của GS

Những GS đã vào biên chế được coi là có "permanent employment" - tức là họ có công việc trọn đời ở trường đại học (trừ khi họ muốn chuyển sang trường khác).

Thông thường thì những GS có năng suất làm việc cao (đăng được nhiều công trình nghiên cứu quan trọng) được giao ít việc sự vụ hơn những người khác. Nguyên nhân chính là do thứ bậc xếp hạng (ranking) của khoa phụ thuộc rất nhiều vào uy tín học thuật (được đo lường bằng chất lượng và số lượng công trình nghiên cứu ở các tạp chí có uy tín).

2.2. Nga

Trong các trường đại học ở Nga, sự nghiệp học thuật để đi đến thang bậc GS thường bắt đầu ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Một sinh viên tốt nghiệp đại học có thể được tuyển dụng làm trợ giảng, không đòi hỏi học vị gì, chỉ yêu cầu duy nhất là đã tốt nghiệp chương trình đại học từ 5 - 6 năm, tương đương với thạc sĩ khoa học hoặc thạc sĩ chuyên ngành. Yêu cầu mới đối với vị trí này là đã qua chương trình đào tạo tiến sĩ. Thông thường trợ lý giảng dạy được quyền lên lớp giảng bài, kiểm tra sinh viên ở các môn chuyên ngành hẹp hoặc trợ giúp GS trong giảng dạy như hướng dẫn sinh viên làm các bài trong phòng thí nghiệm, kiểm tra kiến thức của sinh viên v.v...

Sau 3 - 4 năm học chương trình đào tạo tiến sĩ, trợ lý giảng dạy sẽ chuẩn bị bảo vệ luận án tiến sĩ bao gồm viết một luận án khoảng 150 - 200 trang, trình bày các kết quả nghiên cứu của mình dưới sự hướng dẫn của các GS, viết một số bài báo công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học được VAK kiểm định. Cuối cùng, để có thể bảo vệ luận án về đề tài của mình, nghiên cứu sinh phải qua được 3 kì thi về: 1) Khoa học chuyên ngành luận án; 2) Ngoại ngữ; 3) Lịch sử và triết lí khoa học. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án được trao học vị кандидат наук - ứng viên khoa học, trước đây gọi là phó tiến sĩ, đến nay học vị này gọi là tiến sĩ.

Trợ giảng sau khi nhận được học vị tiến sĩ sẽ có được vị trí chức danh là giảng viên chính, không khác biệt với vị trí đã có là mấy song nếu đã có các công trình khoa học công bố (khoảng 10 bài), có viết giáo trình bài



giảng, tài liệu giảng dạy, có thể được phong PGS. PGS được quyền giảng trọn vẹn một số môn học, được kiểm tra, đánh giá sinh viên. Nhiều giảng viên chỉ phấn đấu đạt đến danh hiệu này.

Để trở thành GS, đòi hỏi ứng viên phải có số lượng nhất định các bài báo khoa học công bố, có các sách xuất bản và các công trình khoa học giáo dục, đã hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án. Thông thường điều này với những ứng viên đã có học vị tiến sĩ khoa học đã hội đủ. Với những điều kiện nêu trên, ở Nga rất hiếm người có thể đạt được chức danh ở tuổi dưới 40.

Người được phong GS có được quyền giữ vị trí lãnh đạo về khoa học, tham gia hội đồng thi, hội đồng học thuật của trường v.v. Tuy nhiên, ở Nga, nhiều người có học vị tiến sĩ khoa học làm việc trong các viện nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Nga, không tham gia giảng dạy đại học mà chủ yếu là nghiên cứu khoa học và công nghệ và nhiều người trong số này đăng kí trở thành GS ở lĩnh vực khoa học nào đó. Như vậy, ở Nga tồn tại 2 loại hình danh hiệu GS, tạm dịch là GS đầu ngành khoa học nào đó. Loại hình GS thứ 2 ở Nga là về lĩnh vực chuyên môn. Tuy không đòi hỏi phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học và các công trình công bố về đào tạo (là giáo trình, sách giáo khoa) nhưng phải có ít nhất 5 nghiên cứu sinh đã hướng dẫn bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, nội dung luận án (phần chủ yếu và một phần) gắn liền với lĩnh vực chuyên môn. Ngoài ra, ứng viên cần phải có những công trình khoa học công bố và những thành tích đào tạo khác có giá trị.

Quy trình xét phong GS: Hội đồng học thuật viện nghiên cứu, nơi ứng viên làm việc sẽ xem xét hồ sơ của ứng viên, bình chọn và đưa ra nghị quyết về việc có chuyển kết quả và đề nghị lên VAK không... Nếu được hội đồng học thuật viện chấp thuận, hồ sơ ứng viên sẽ được chuyển lên VAK, thông thường là vài tháng, để nhận được quyết định có hay không phong GS cho ứng viên.

2.3. Cộng hòa Pháp

Trong hệ thống giáo dục Pháp, chức danh liên quan đến các giáo viên cấp bậc đại học thường thấy là: 1/ Giảng viên đại học (maîtres de conférences, MdC); 2/ GS đại học (Professeurs des universités). Ngoài ra cũng có thể thấy các chức danh khác như: Professeur agrégé, directeur de recherche, chargé de recherches...

2.3.1. Giảng viên đại học

Để trở thành giảng viên đại học, sau khi bảo vệ luận văn tiến sĩ, thí sinh phải nộp hồ sơ để được hội đồng đại học quốc gia duyệt đủ tư cách. Sau đó, thí sinh chủ động nộp đơn xin tuyển việc ở các trường có mở vị trí MdC. Khi được tuyển vào trường thì mới chính thức được gọi là MdC của trường Đại học XYZ.

2.3.2. GS đại học

Chức danh GS đại học thường gắn với việc có một vị trí "GS đại học" trong một trường đại học nào đó. Chức danh này do tổng thống kí sắc lệnh chính thức bổ nhiệm (như công chức) nhưng thực tế chính quyền không can thiệp vào quá trình tuyển dụng.

Để có thể nộp hồ sơ, trở thành ứng viên chức danh GS đại học, bước đầu tiên phải được hội đồng đại học quốc gia (Conseil national des universités, CNU) duyệt đủ tư cách dựa trên việc viết và bảo vệ một luận văn

tương đương cấp PGS gọi là "**habilitation à diriger des recherches**", viết tắt là HDR (dịch nghĩa là "xét tư cách được hướng dẫn nghiên cứu").

Ở Pháp, PGS là một bằng cấp quốc gia về giáo dục đại học, có thể đạt được sau khi đã có bằng tiến sĩ và trải qua một số năm kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu. Để đạt được bằng này, thí sinh cần trình một luận văn lớn và bảo vệ trước hội đồng học thuật. Có được HDR thí sinh sẽ phải ghi danh để được CNU duyệt là người đủ tiêu chuẩn làm GS đại học. Sau đó, thí sinh có thể ứng cử vào một vị trí GS trống ở trường đại học nào đó. Kể từ tháng 9 năm 2009, việc được xác nhận bởi CNU chỉ có giá trị 4 năm, kể từ thời điểm cuối năm được CNU duyệt đủ tiêu chuẩn.

Sau khi bảo vệ luận văn tiến sĩ, có thể có hai cách để trở thành GS. Hoặc là làm thẳng *Agrégation* (kì thi quốc gia để được phong chức danh GS đại học chuyên ngành cụ thể) (cách này ít thông dụng), hoặc là trở thành MdC ở một trường nào đó rồi sau một thời gian sẽ thi kì thi quốc gia để được phong hàm GS. Khi được duyệt phong hàm GS, việc bổ nhiệm vào vị trí trường đại học nào sẽ không hoàn toàn theo ý nguyện của thí sinh.

2.3.2.1. Quy trình xét tuyển, bổ nhiệm

Quá trình tuyển chọn các GS đại học Pháp gồm hai bước như sau:

Bước 1: Ứng viên phải được một hội đồng đại học quốc gia đánh giá đủ tiêu chuẩn khoa học. Bằng cấp tối thiểu là tiến sĩ đối với các PGS và bằng HDR đối với các GS. Bằng HDR thường được bảo vệ khoảng từ 4 - 6 năm sau tiến sĩ, với một số kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong ngành - con số trung bình những bài nghiên cứu này rất khác nhau, tùy theo ngành và sau khi đã tham gia hướng dẫn ít nhất là một luận án tiến sĩ.

Bước 2: Tiêu chuẩn được CNU thông qua trong bước 1 có giá trị 4 năm. Trong 4 năm đó, người đạt tiêu chuẩn có quyền ứng cử vào bất kì đại học nào khi thấy trường đó mở ra một chức vụ GS hay PGS trong ngành mình. Một tiểu ban chuyên gia trong ngành của đại học (commission des spécialistes de l'université hay CSU) sẽ chọn người mình muốn trong những ứng viên đủ tiêu chuẩn. Người được chọn sau bước 2 này sẽ được bộ quốc gia giáo dục chính thức cử vào chức vụ tương ứng. Nếu qua 4 năm mà chưa chọn được (và được chọn) vào một trường đại học nào, ứng viên phải nộp lại hồ sơ ở bước 1, hồ sơ phải có thêm những thành quả nghiên cứu đã đạt được trong 4 năm đó - nếu không có gì thêm, khả năng bị loại là khá lớn (tuy không là đương nhiên)...

2.3.2.2. Nhiệm vụ và quyền lợi của GS

Nhiệm vụ chủ yếu của GS trong trường đại học là: Trình bày seminar trong lĩnh vực nghiên cứu của mình; chuyên sâu trong lĩnh vực của mình thể hiện qua việc làm nghiên cứu; giảng dạy ở trường đại học và các cấp học cao hơn; hướng dẫn luận văn và phụ trách các hoạt động nghiên cứu hàn lâm; đảm nhiệm chức vụ hành chính về quản lí và chính sách khoa học (trưởng khoa, giám đốc phòng thí nghiệm, chủ tịch hội đồng tư vấn,...).

Cũng có người có chức danh GS nhưng không gắn với công việc giảng dạy mà ở ngoài hệ thống trường đại học như các chuyên gia luật hoặc trong khuôn khổ phát triển sáng chế của lĩnh vực nghiên cứu.

2.4. Trung Quốc

2.4.1. Các chức danh giảng viên - Academic rank

Nhiều trường đại học ở Trung Quốc theo hệ 4 chức danh giảng viên đại học là GS, PGS, giảng viên và trợ giảng trong khi một số trường như Đại học Thanh Hoa lại sử dụng hệ thống chức danh giảng dạy như Hoa Kỳ là GS dự bị hay dự khuyết, PGS, GS.

Ngoài các chức danh nêu trên, còn có các chức danh mang tính danh dự: GS trưởng, GS đầu ngành (ít được dùng trong các trường đại học Trung Quốc; GS hưu trí; GS danh dự, trao cho người có cống hiến quan trọng; GS đặc biệt nổi tiếng, thường được trao cho học giả có thành tích đặc biệt trong nghiên cứu; GS thỉnh giảng, thường được trao cho các GS có thành tích trong nghiên cứu, được trường mời giảng. Ở Trung Quốc, chức danh GS/PGS luôn gắn liền với một vị trí công tác ở trong trường đại học. Đối tượng để phong chức danh GS/PGS là giảng viên thuộc trường đại học.

2.4.2. Tiêu chuẩn chung chức danh PGS, GS

Theo quy định của Trường Đại học Thanh Hoa, một trong những trường đại học danh tiếng của Trung Quốc, ứng viên chức danh PGS phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1) Tuân thủ Hiến pháp và Luật pháp, có tư tưởng đúng đắn, có tố chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, trung thành với sự nghiệp giáo dục, khỏe mạnh, kiên trì với công việc.

2) Có cơ sở lý luận và cơ sở chuyên môn rộng, vững chắc, có kinh nghiệm thực tiễn phong phú, có thể nắm bắt kịp thời tình hình phát triển chuyên môn trong và ngoài nước, có ảnh hưởng lớn đối với trong nước hoặc đối với sự phát triển của lĩnh vực chuyên môn trong và ngoài nước.

3) Trên nguyên tắc phải có bằng thạc sĩ hoặc đảm nhiệm công tác giảng dạy trên 5 năm sau khi học nghiên cứu sinh hoặc đảm nhiệm công tác giảng dạy trên 3 năm sau khi có bằng tiến sĩ (ngoại trừ người được nâng chức danh trước thời hạn theo quy định của nhà trường).

4) Thực hiện đúng chức trách của giảng viên, kết quả thi tốt, đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định của nhà trường, đồng thời cần đáp ứng một trong số các điều kiện bắt buộc.

Ở Trung Quốc, chỉ có hội đồng của trường xét và phong theo tiêu chuẩn của trường đó. Vì vậy, quy trình xét chỉ có 01 hội đồng là hội đồng của trường.

3. Một số nhận xét và liên hệ với Việt Nam

Ở trên là những thông tin về tiêu chuẩn, về cách xét công nhận, phong và bổ nhiệm các chức danh, danh hiệu GS trong các trường đại học ở một số nước trên thế giới trong đó có 2 nước khu vực Châu Á. Số lượng thông tin từ các quốc gia nêu trên chưa đại diện được cho các nền giáo dục đại học thế giới vì chưa có đủ các nước đại diện cho các châu lục. Tuy nhiên, có thể rút ra những điểm chung sau đây:

1) GS (Full Professor) với đúng nghĩa và giá trị của nó, là danh hiệu, là chức danh cao quý chỉ dành cho những người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu trong các trường đại học. Về điểm này có sự trùng hợp với quan điểm của Việt Nam và được thể hiện trong Luật Giáo dục.

2) Để đạt được danh hiệu cao quý đó, họ không chỉ là nhà sư phạm giỏi, được thừa nhận đánh giá không chỉ của đồng nghiệp trong khoa, trong trường mà trước hết của chính những người "tiếp nhận" sản phẩm là các sinh

viên. Bên cạnh đó, họ còn là những nhà khoa học có uy tín, có tên tuổi không chỉ các đồng nghiệp trong nước mà cả các đồng nghiệp trên thế giới biết đến thông qua các sản phẩm của họ là các phát minh sang chế, các bài báo công bố các sản phẩm nghiên cứu có giá trị được đăng tải trên các tạp chí khoa học có uy tín, có ảnh hưởng khoa học rộng lớn trên thế giới. Ngoài ra, uy tín quốc tế của họ còn được chính các đồng nghiệp trên thế giới kiểm chứng thông qua sự hiện diện và vai trò của họ trong các hội nghị, hội thảo quốc tế và trong các bài giảng của họ ở các trường đại học ở nước ngoài.

3) GS là chức danh cao quý của giảng viên trường đại học và là một trường đại học cụ thể. Vì vậy, giảng viên nào trong trường xứng đáng được tôn vinh, được trao chức danh ấy không ai khác chính là các đồng nghiệp, đại diện là hội đồng học thuật của khoa, trường, nơi giảng viên đó làm việc và cống hiến.

4) GS là chức danh dành cho giảng viên trường đại học nên chỉ trường đại học đủ tư cách pháp lý để thành lập các hội đồng học thuật xem xét, đánh giá, bổ nhiệm.

Ở Việt Nam, việc bổ nhiệm chức danh GS, Nhà nước quy định trong văn bản, cũng chỉ giao cho các trường đại học có nhu cầu song việc thẩm định tiêu chuẩn giao cho các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các viện nghiên cứu khoa học nơi có đào tạo trình độ tiến sĩ và phối hợp với các trường đại học đào tạo trình độ thạc sĩ. Đây là điểm khác biệt cơ bản với các nước trong xét phong chức danh GS.

5) Ở hầu hết các nước có được thông tin, trong các trường đại học, thậm chí trong phạm vi quốc gia như Đức đều có chỉ tiêu (có ghế) cho các chức danh GS, ngay cả chức danh GS dự khuyết như ở Hoa Kỳ. Vì vậy, để nâng chất lượng đội ngũ GS, PGS, cần nâng cao tính cạnh tranh, mặt khác để đảm bảo các trường đại học, ngay cả ở những vùng khó khăn như Tây Bắc, Tây Nguyên song có những PGS, GS giỏi, bài học về định biên GS của Đức, của Hoa Kỳ cũng đáng để Việt Nam cân nhắc trong tương lai.

6) Về tiêu chuẩn đối với các chức danh GS, không nước nào đề ra tiêu chuẩn về ngoại ngữ, ngay cả Hàn Quốc, nhưng tiêu chuẩn này lại khéo được ẩn trong các tiêu chuẩn khác như đòi hỏi ứng viên phải có số lượng bài báo không nhỏ đăng mở minh trong các tạp chí có uy tín trên thế giới, phải tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế với tư cách là Chair các phiên họp, thảo luận chuyên môn có các bạn bè đồng nghiệp quốc tế hoặc đi giảng bài ở nước ngoài v.v. Rõ ràng tuy không đề ra tiêu chuẩn nhưng ở các nước tiêu chuẩn này đã được đo thực chất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Từ điển Bách khoa toàn thư mở (Wikipedia - Google).
- [2]. Nguồn thông tin từ các nước Hoa Kỳ, Nga, Pháp, Trung Quốc.

SUMMARY

The article deals with the recognition and appointment of professor title at international universities in USA, Russia, France and China. Since then, the author suggested comments and link to Vietnam in order to enhance quality of professors and associate professors appointment, to meet the needs of international integration.

Keywords: Admission; appointment; title; professors; associate professors.



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ... (Tiếp theo trang 32)

nhiệm vụ năm học của Bộ, Sở, Phòng GD & ĐT và nhiệm vụ năm học của nhà trường. Dựa vào kết quả triển khai công tác KTNB và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong năm học để xác định những định hướng ưu tiên cho công tác này.

5.2. Triển khai có chất lượng và hiệu quả kế hoạch KTNB

Căn hoạch định và thực hiện các bước triển khai một cách bài bản: Ban hành quyết định và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch KTNB (thành lập Ban KTNB; phân công nhiệm vụ; thống nhất phương pháp, hình thức KT,...); chuẩn bị, cập nhật các văn bản về chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức liên quan đến nội dung KT; chuẩn bị phương tiện, thiết bị, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết khác; triển khai lập và phê duyệt kế hoạch của các nhóm, cá nhân trong Ban KTNB; thống nhất các chuẩn KT; tổ chức nghiên cứu thông tin về đối tượng KT; thông báo kế hoạch và yêu cầu đối tượng KT chuẩn bị và báo cáo Ban KTNB các nội dung liên quan.

5.3. Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác KTNB

Nội dung, kế hoạch bồi dưỡng phải xác thực và không mất thời gian. Phân công cán bộ có kinh nghiệm (hoặc mời chuyên gia trong ngành) chuẩn bị và báo cáo các chuyên đề bồi dưỡng. Chú trọng bồi dưỡng về các chuẩn KT và các kĩ năng KTNB.

5.4. Sử dụng kết quả KTNB để thúc đẩy sự thay đổi trong nhà trường

Xác định nội dung cần thay đổi và xây dựng kế hoạch thực hiện để tạo ra sự thay đổi cho nhà trường. Kế hoạch phải vừa tầm, vừa sức. Quy trình thực hiện thay đổi bao gồm: Nhận diện sự thay đổi; chuẩn bị sự thay đổi; thúc đẩy sự thay đổi; đánh giá sự thay đổi; duy trì sự thay đổi và nhân rộng giải pháp.

5.5. Xây dựng hệ thống thông tin KTNB trong nhà trường

Thông tin là cơ sở để các chức năng được vận hành và phối hợp với nhau. Xây dựng nguồn thông tin có tính toàn diện, bao gồm: (1) Thông tin phục vụ cho từng khâu của quá trình thực hiện công tác KTNB; (2) Thông tin phục vụ đổi mới QL nhà trường. Nguồn thông tin

được phân tích, xử lí, sử dụng phần mềm phân quyền trong sử dụng dữ liệu thông tin KTNB.

6. Kết luận

KTNB trong các nhà trường thường được các nhà QL nhận thức như hoạt động hỗ trợ QL. Nghiên cứu trình bày trong bài viết cũng như thực tế triển khai công tác này ở các trường THCS đã khẳng định KTNB có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhà trường và cần làm thường xuyên, có hệ thống. Nếu đổi mới công tác KTNB được triển khai có chất lượng, hiệu quả thì sẽ tác động tích cực đến mọi hoạt động của nhà trường, thúc đẩy sự nỗ lực, sáng tạo của các thành viên, góp phần xây dựng môi trường thuận lợi cho các hoạt động GD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Lộc, (2010), *Lí luận về QL*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2]. Hồ Hữu Lễ, (2013), *Một số vấn đề cơ bản về KTNB trường học* (Tài liệu hội thảo tập huấn), Sở GD & ĐT TP. Hồ Chí Minh.
- [3]. Lê Đình Sơn, (2014), *Thanh tra, KT trong GD* (Tài liệu bồi dưỡng cán bộ QL các trường trung học), Đại học Đà Nẵng.
- [4]. Bộ GD&ĐT, (2011), *Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 ban hành Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*, Hà Nội.
- [5]. Chính phủ, (2013), *Nghị định số 42/2013/NĐ-CP ngày 09/5/2013 quy định về Tổ chức và hoạt động thanh tra GD*, Hà Nội.

SUMMARY

The specific education activities require managers to pay much attention to the internal inspection. This article presents the general principles, contents, the current situation of the internal inspection organization and implementation at high schools. Then, the author suggested measures to improve the quality and effectiveness of this function, making contributions to ensuring the quality of school education in Vietnam.

Keywords: Internal inspection; lower secondary education; education.

LỜI CẢM ƠN

Tất cả các bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 122 đều được phản biện kín theo một quy trình rất chặt chẽ, khách quan.

Bên cạnh sự giúp đỡ của Hội đồng Biên tập, Tạp chí Khoa học Giáo dục xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực nghiên cứu khoa học của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, bao gồm: PGS.TS. Vũ Trọng Rỹ; PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; PGS.TS. Đào Thái Lai; PGS.TS. Phan Văn Nhân; PGS.TS. Phạm Đức Quang; PGS.TS. Nguyễn Đức Quang; PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Lương Việt Thái; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Hà Đức Đà đã rất nhiệt tình giúp đỡ về mặt nội dung để Tạp chí Khoa học Giáo dục xuất bản thành công số báo này.

Trân trọng!